



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

IV#: _____
VEWL.#: _____
1-171#: Y NO
EXIT VISA#: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM Le Tri Thuc
Last Middle First

Current Address: 16/2 Khong Tru, Xuan Trung, Xuan Loc, Dong Nai

Date of Birth: 1944 Place of Birth: Dong Nai

Previous Occupation (before 1975) 1st Lt.
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06/00/75 To 12/77
Years: 3 Months: _____ Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: FVPPA
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Khuân Lỗc - Đông Nai

Ngày 24-7-1988

Thưa chú Thỏ.

Tôi được biết chú khá lâu rồi qua đài phát thanh nhưng đến hôm nay mới rõ được địa chỉ của chú và tôi tin rằng chú sẵn sàng giúp đỡ gia đình chúng tôi thực hiện được ước muốn của mình.

Kính gửi kèm theo đây các giấy tờ chứng minh của gia đình chúng tôi:

- 1 bản sao giấy ra trại.

- 1 - hôn thú.

- 1 - giấy khai sinh.

- 1 - bằng lái quân xa.

Địa chỉ hiện tại của tôi: LÊ TRẠI THỎC 16/2 đ không 4?
Khuân Trung - Khuân Lỗc - Đông Nai.

Kính chú ghi danh tôi vào cùng danh sách những người muốn đi tìm một cuộc sống mới.

Kính chân thành cảm ơn.

LÊ TRẠI THỎC

24-7-88.

BỘ QUỐC PHÒNG
Cục Quân Pháp
SƯ ĐOÀN 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 63/QP-3/16

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư Liên Bộ Quốc phòng - Nội vụ số ngày
về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ tướng Chính phủ.

Thi hành quyết định số 68/QĐ ngày 07/11/1977
của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

Họ và tên: Lô trí Thước

Ngày, tháng, năm sinh: 1944

Quê quán: Xuân lộc - Đồng nai

Trú quán:

Số lính, cấp bậc, chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ: 64/158.403

Trung úy, trưởng táng lượng giác Khuyến tin

- Khi về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban Nhân dân và công an xã,
Trường: Số 30 Phan chu Trinh, khu 2, khóm 4, Xuân an thuộc Huyện,
Quận: Xuân lộc Tỉnh, Thành phố: Đồng nai

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác:

- Thời hạn quản chế: sáu tháng

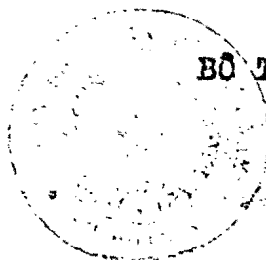
- Thời hạn đi đường: ba ngày (kể từ ngày ký giấy ra trại).

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp:

(có nhiều cấp phát kèm theo)

Ngày 12 tháng 12 năm 1977

BỘ TƯ LỆNH



GIẤY PHÉP KẾT HÔN

(Huấn-thị 650 - 401 ngày 1-9-67)

TRƯỜNG TRUYỀN TIN QĐVNCH
Số 264/1584030 7 8

PHẦN I. ĐƠN XIN KẾT HÔN

1 - Họ tên Quân nhân xin kết hôn : LÊ TRI THỰC		2 - Cấp bậc : TRUNG ÚY H D	3 - Số-quân : 1 264/1584030 7 8
4 - Ngày sinh : 22 - 08 - 1944	5 - Gia-cảnh : ĐỘC THÂN	6 - Thành phần QLVNCH CLQ ☒ ĐPQ ☐	7 - Đơn-vị : TRƯỜNG TRUYỀN TIN
8 - Họ tên vị hôn thê (hoặc hôn-phu) : NGUYỄN THỊ HỒNG		9 - Nghề-nghiệp : BƯỜN BÀN	
10 - Ngày sinh : 09 - 06 - 1950	11 - Gia-cảnh : ĐỘC THÂN	12 - Địa-chỉ : 62/32 PHAN THANH GIÂN ẤP PHƯỚC XÁ XUÂN LỘC LÔNG KHANH	
13 - Họ tên cha vị hôn thê (hoặc hôn-phu) : NGUYỄN VĂN NHẤN		14 - Họ tên mẹ vị hôn thê (hoặc hôn-phu) : TẠ THỊ THANH (C)	

15 - CAM KẾT :

Tôi xin cam-kết hoàn-toàn chịu trách-nhiệm trong trường-hợp người phối-ngẫu của Tôi là Cô (hoặc Ông) **NGUYỄN THỊ HỒNG** trong thời gian chung sống với tôi có những hoạt-động phương-hại đến nền an-ninh Quốc-gia hay hành những nghề có thể làm tổn-thương đến danh-dự của QLVNCH.

(Điều 191 Sắc luật số 13/CT/LĐQGQL/SL ngày 20-10-64 bắt buộc vợ người Quân-nhân phải từ bỏ nghề của mình nếu nghề này xét có phương hại cho thanh danh của Quân-đội).

16 - Làm tại KBC 4420 ngày 21/03/72

18 - Chữ ký của Quân-nhân xin/kết hôn :

17 - Nơi nhận CHT. KBC 40.02 / TQT

PHẦN II. QUYẾT ĐỊNH CỦA GIỚI CHỨC CÓ THẨM QUYỀN

19 - Giấy phép kết hôn số 3352 / TQL/TQT/MSV/ATP-KBC4002 ngày 1 Th 4. 1972

20 - QUYẾT-ĐỊNH CỦA CẤP CHỈ HUY HỮU-QUYỀN :

Chấp-thuận đơn xin trên đây và lưu-ý quân-nhân được cấp phép kết hôn :

Giấy phép kết hôn này chỉ có giá trị trong phạm vi QLVNCH.

Ngoài những hình-phạt về quân-kỷ, quân-nhân còn có thể bị truy-tố trước pháp-luật nếu vi phạm luật Gia-đình (Sắc-luật số : 15/64 ngày 23-7-1964).

21 - Cấp-bậc, Họ tên, Chức-vụ và chữ ký của giới chức cấp phép kết hôn

NƠI NHẬN :

- Trường Truyền-Tin-KBC. 44. 20
- "Đề nt/hs và tổng kết đ/s"
- B. TQL/P. TQT (TTHSCN)
- Tiểu-Đoàn 3 Quân-Cảnh
- "Nem h/s đề đ/t vị hôn-thê"
- Lưu. -

TL. Sư-Tướng CAO VĂN TIẾN
Lễng Tham-Mưu-Tổng Đ. L. V. NCH
TL. Sư-Tướng PHU THÂN Đ. Q. L.
Tham-Mưu-Tổng Đ. L. V. NCH
Tham-Mưu-Tổng Đ. L. V. NCH
Tham-Mưu-Tổng Đ. L. V. NCH



1 Kallb

VIỆT NAM CỘNG HÒA

TỈNH

QUẬN

XÃ

LONG-KHÁNH

XUÂN-LỘC

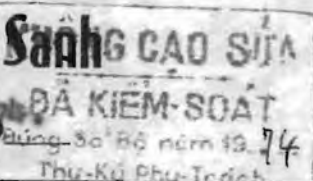
XUÂN-LỘC

SỐ HIỆU:

1734.

Trích Lục Bộ Khai Sinh CAO SỬA

Lập ngày 02 tháng 10 năm 1974



Tên họ đứa trẻ LÊ - THỊ - HẠNH.

Con trai hay con gái Nữ

Ngày sanh Hai mươi Tám, tháng Chín, năm một ngàn chín
trăm bảy mươi Bốn (28-9-1974) giờ 17 giờ 45.

Nơi sanh Xuân-Lộc, Long-Khánh.

Tên họ người cha Lê-Trí-Thức.

Tên họ người mẹ Nguyễn-thị-Hồng.

Vợ chánh hay không có Hôn Thú Chánh

Tên họ người đứng khai Lê-thị-Cánh.

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

Xuân-Lộc. ngày 05 tháng 10 năm 1974.



VIỆN CHỨC HỘ TỊCH

HUỶNH-NGỌC-ẨN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

TỈNH LONG-KHÁNH

QUẬN XUÂN-LỘC.

XÃ XUÂN-LỘC.

408

Số Hiệu: 0693.

TRÍCH - LỤC BỘ KHAI - SANH

Lập ngày 16 tháng 4 năm 1973

Tên họ đứa trẻ: LÊ-TRÍ-DŨNG.

Con trai hay con gái Nam

Ngày sanh: Mười Ba, tháng Tư, năm một ngàn chín trăm
bảy mươi Ba.

Nơi sanh: Xuân-Lộc, Long-Khánh

Tên họ người Cha LÊ-TRÍ-THỨC.

Tên họ người Mẹ: Nguyễn-thị-HỒNG.

Vợ chánh hay không có Hôn Thú: Chánh

Tên họ người đứng khai: Nguyễn-thị-Xuân-Lan.

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

Xuân-Lộc, ngày 17 tháng 4 năm 1973



ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã, Thị trấn XUÂN LỘC
Thị xã, Quận XUÂN LỘC
Thành phố, Tỉnh ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

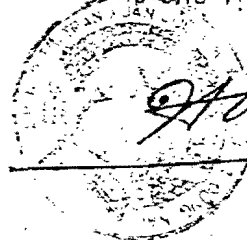
GIẤY KHAI SINH

Số R1147
Quyển số 02

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

HỌ và TÊN	<u>LÊ THỊ GIANG</u> Nam, Nữ <u>Nữ</u>	
Sinh ngày tháng, năm	<u>08 tháng 7 năm 1981</u>	
Nơi sinh	<u>Thị trấn XUÂN LỘC, huyện XUÂN LỘC</u> <u>ĐỒNG NAI</u>	
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	<u>LÊ TRÍ THỰC</u> <u>22-8-1944</u>	<u>NGUYỄN THỊ HỒNG</u> <u>1950</u>
Dân tộc Quốc tịch	<u>Kinh</u> <u>VIỆT NAM</u>	<u>Kinh</u> <u>VIỆT NAM</u>
Nghề nghiệp nơi ĐKKK thường trú	<u>Làm rẫy</u> <u>Xuân Lộc</u>	<u>Làm rẫy</u> <u>Xuân Lộc</u>
Họ, tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	<u>LÊ TRÍ THỰC 1944, thị trấn Xuân Lộc</u> <u>Quyển biên nhận CMND số 270537303</u> <u>ngày 8-7-1980</u>	

Đăng ký ngày 15 tháng 7 năm 1981
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ chức vụ)



Nguyễn Ngọc Hoàng

MLA BT2/PQ

Xã, thị trấn: Kiến Lợi
Thị xã, quận: Thị xã
Thành phố, tỉnh: Tổ 1

GIẤY KHAI SINH

80 Rs 927
Quota is 54

[illegible]

Họ và tên	Lê Trí Sĩ		Nam, nữ	Nam
Sinh ngày tháng, năm	Ngày hai mươi ba Tháng một năm một nghìn chín trăm lẻ.			
Nơi sinh	Đền, Viện Khoa Học.			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Lê Trí Sĩ nguyên		Nguyễn Thị Hồng 1970	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam.		Việt Nam.	
Nghề nghiệp	Lâm nghiệp		Lâm nghiệp	
Nơi ĐKNK thường trú	Khu Xuân Thủy		Khu Xuân Thủy	
Họ, tên, tuổi, nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Lê Trí Sĩ			

Đăng ký ngày 30 tháng 07 năm 95

TM/UBND Ký tên, đóng dấu
(ghi rõ họ, tên, chức vụ)



Nguyễn Ngọc Hồng

Thành phố, Tỉnh: Đà Nẵng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Miu HT2/P3

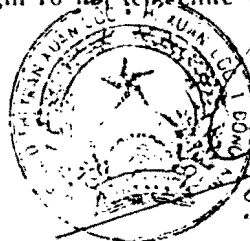
GIẤY KHAI SINH

Số R. 02428
Quyển số 1

[illegible]

Họ và tên	Lê Thị Châu		Nam, nữ	Nữ
Sinh ngày tháng, năm	Ngày 28 tháng 10 năm 1978			
Nơi sinh	Xóm Li - Dĩnh An			
Khai về cha, mẹ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi (hoặc ngày, tháng, năm sinh)	Lê Thị Thúc 22.8.1944		Nguyễn Thị Hồng 09.6.1950 (năm mười)	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam		Việt	
Nghề nghiệp	Lam rẫy		Lam rẫy	
Nơi ĐKNK thường trú	Xã - Khu 2 TT. Kh.		Xã - Khu 2 TT. Kh.	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng minh hoặc CNCC của người đứng khai	Nguyễn Thị Hồng - 1950 Khu 2 TT. Kh.			

Đăng ký ngày 12 tháng 11 năm 1978
TM/UBND 11 2.57 ký tên, đóng dấu
(ghi rõ họ tên chức vụ)



T R A D U C T I O N

REPUBLIQUE DU VIET-NAM

GREFFE DU TRIBUNAL DE SAIGON

SECRETARIAT D'ETAT A LA JUSTICE

JUDICIAIRE DU SUD VIET-NAM

EXTRAIT DU REGISTRE DES ACTES DE
NAISSANCE DE TÂN-THOI-NHUT (GIADINH)
(SUD-VIET-NAM)

ANNEE : 1944 - Acte No : 221

VAN-MUOI, père de
l'enfant, a déclaré
l'acte de naissance et lui don-
né son nom patrony-
mique, /.

Signé: Illisible.

Nom et prénom de l'enfant	: Lê-Tri-Thuc
Sexe de l'enfant	: Garçon
Date de naissance	: Le vingt deux Août mil neuf cent quarante quatre
Lieu de naissance	: Tân-thoi-nhut
Nom et prénom du père	: Lê-Van-Muoi
Sa profession	: Sergent-Chef
Son domicile	: Tân-thoi-nhut
Nom et prénom de la mère	: Vo-thi-Gioi
Sa profession	: Commerçante
Son domicile	: Tân-thoi-nhut
Son rang de femme mariée	: /

Nous, Vu-thiên-Nhu, Délégué par le
Président du Tribunal de Saigon, certifions
l'authenticité de la signature de M. Huynh-
Linh, Greffier en chef dudit tribunal.-

SAIGON, le 20 Mars 1958

P. LE PRESIDENT et P.D.,

Le Juge,

Signé: Illisible
(cachet).

pour légalisation de la signature de M.
NGUYEN TRINH HIEN, Interprète assermenté du
vice judiciaire, apposée ci-contre.

SAIGON, le 28 MARS 1958.

P. LE PROCUREUR GENERAL
Le Chef du Secrétariat

Signature

Pour extrait conforme

Saigon, le 20-3-1958
LE GREFFIER EN CHEF,
Signé: Illisible
(cachet).

POUR TRADUCTION CONFORME
L'interprète assermenté,

Signature

NGUYEN TRINH HIEN
Interprète assermenté

/GRATIS/

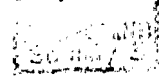


FROM: LÊ TRÍ THỰC
16/2 KHUỖNG TỰ - XÃ TRUNG
XUÂN LỘC - ĐỒNG NAI

12 12-8-2



7131



TO: B. KHUẾ MINH THO

PO BOX 5435 ARLINGTON

VA 22205-0635

2m^cam

U.S.A.

AUG 11 1983

